

Số: 05/2017/QĐST-HNGĐ

Phong Thổ, ngày 10 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 thán 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị S.** Sinh năm 1975.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: bản T, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh **Điêu Chính T.** Sinh năm 1971.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: bản N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng C huyện P, tỉnh Lai Châu, người đại diện là ông Lê Văn Bắc – Chức vụ: Phó giám đốc.

Địa chỉ: Thôn P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 60 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị S.** Sinh năm 1975.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: bản T, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh **Điều Chính T.** Sinh năm 1971.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: bản N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn chị Lò Thị S và bị đơn anh Điều Chính T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Có hai con chung:

1. Điều Chính N, sinh năm 1995.

2. Điều Thị Q, sinh năm 1997.

Cả hai cháu đã trên 18 tuổi không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Hai đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết về con chung.

2.3. *Về tài sản chung:* Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về nợ chung:* Các đương sự thoả thuận, thống nhất chị Lò Thị S chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) theo sổ sổ 161746 ngày 26/7/2013 mang tên Lò Thị S và lãi phát sinh tại Ngân hàng C huyện P. Cho đến khi kết thúc hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Nếu chị S không trả số nợ trên theo như chị cam kết thì chị sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành.

2.5. *Về án phí:* Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Ghi nhận nguyên đơn chị Lò Thị S tự nguyện nộp cả án phí cho bị đơn. Vậy, tổng số tiền chị Lò Thị S phải nộp là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), khấu trừ với số tiền chị đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002056, ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị S được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Lai Châu.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện P.Thổ;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá

